

TỔNG QUAN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG ĐẾN ĐỜI SỐNG KINH TẾ CỦA NGƯỜI KHMER Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY^(*)

NGUYỄN NGỌC DIỄM*
ĐỖ THỊ THƠM**

Do địa hình thấp, vị trí sát biển và có hệ thống sông cùng kênh rạch lớn nhỏ, Đồng bằng sông Cửu Long đang đứng trước nguy cơ bị nhấn chìm do biến đổi khí hậu. Cư dân Đồng bằng sông Cửu Long có 4 dân tộc chủ yếu là Kinh, Hoa, Khmer và Chăm. Qua phân tích các nguồn dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu này góp phần làm rõ các tác động của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường đến người Khmer về phương diện kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy các vấn đề nổi bật chủ yếu là biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường có tác động đến các nguồn tài nguyên liên quan đến sinh kế là đất, nước và rừng; còn các hoạt động sinh kế chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất là nông nghiệp và thủy sản. Bài viết cũng đồng thời đề xuất một số hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm đưa ra những giải pháp thực tiễn hỗ trợ cộng đồng người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long trước tác động của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường của vùng.

Từ khóa: biến đổi khí hậu, Đồng bằng sông Cửu Long, dân tộc thiểu số, Khmer

Nhận bài ngày: 5/8/2019; *đưa vào biên tập:* 10/9/2019; *phản biện:* 15/10/2019; *duyet đăng:* 26/7/2020.

1. DẪN NHẬP

Đồng bằng sông Cửu Long có 4 dân tộc chính là Kinh, Khmer, Hoa và Chăm;

dân số toàn vùng là 17.787.985 người, chiếm khoảng 18,84% so với dân số cả nước (Tổng cục Thống kê, 2019: 18); người Kinh, chiếm khoảng 91,91%; kể đó là người Khmer (6,88%); người Hoa (1,1%); người Chăm (0,08%); còn lại là các dân tộc thiểu số khác có

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

** Viện Quyền con người, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

tỷ lệ rất thấp so với dân số toàn vùng (Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, 2014: 1). Người Khmer tập trung cao (93,6% trong cả nước) chủ yếu tại các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Vĩnh Long, và Cần Thơ) (dẫn theo Lê Thanh Sang và Võ Thị Kim Phượng, 2018), người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long có vai trò đáng kể trong sự phát triển của vùng, cũng như chịu các ảnh hưởng trực tiếp từ các vấn đề của vùng.

Có thể nói 75% sinh kế người dân Đồng bằng sông Cửu Long tập trung vào nông nghiệp (canh tác lúa và trái cây), nuôi trồng thủy sản (Lê Anh Tuấn và cộng sự, 2014: 2-3) và phụ thuộc rất lớn vào đặc điểm tự nhiên của nguồn tài nguyên khí hậu, tài nguyên nước và tài nguyên đất đai. Do vậy, khi có bất kỳ sự thay đổi tính chất vật lý và hóa sinh của bất kỳ một trong ba nguồn tài nguyên này, đều dẫn đến những tác động lớn lên hệ sinh thái và sinh kế của phần đông người dân (Lê Anh Tuấn và cộng sự, 2014: 2-3). Sinh kế của người Khmer chủ yếu là nông nghiệp, người Chăm tham gia nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, còn người Hoa tập trung chủ yếu vào thương mại - dịch vụ. Kết quả khảo sát năm 2016 có 84,4% người Khmer sống ở khu vực nông thôn, trong đó 58% hoạt động sinh kế bằng nông nghiệp (Lê Thanh Sang và Võ Thị Kim Phượng, 2018: 8). Hoạt động sinh kế này, nhìn chung, chịu tác động trực tiếp từ biến

đổi khí hậu và suy thoái môi trường.

2. KHÁI QUÁT VỀ TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Với địa hình trũng thấp và lượng phù sa dồi dào, đất Đồng bằng sông Cửu Long là nguồn tài nguyên quan trọng cho phát triển nông nghiệp. Đất phù sa chiếm khoảng 30% toàn bộ diện tích đất cả vùng. Tuy nhiên, đất phèn và đất nhiễm mặn, đất nghèo dưỡng chất chiếm một tỷ lệ khá lớn.

Tổng diện tích Đồng bằng sông Cửu Long năm 2008 khoảng 3,96 triệu ha, trong đó khoảng 2,60 triệu ha (65%) cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản (Nguyễn Xuân Hiền, 2008). Quỹ đất nông nghiệp, trồng cây hàng năm chiếm trên 50%, chủ yếu là đất trồng lúa (trên 90%). Đất chuyên canh các loại cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày khoảng 150.000ha, đất trồng cây lâu năm chiếm trên 320.000ha, khoảng 8,2% diện tích tự nhiên (Nguyễn Xuân Hiền, 2008).

Sau hơn 10 năm, hiện nay diện tích đất nông nghiệp cũng như chất lượng đất, chất lượng các nguồn tài nguyên liên quan đến đất là nước và rừng đã có nhiều thay đổi. Do tác động của nước biển dâng và biến đổi khí hậu, năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020 Đồng bằng sông Cửu Long bị nhiễm mặn nghiêm trọng, trong đó có các vùng người Khmer sinh sống như Trà Vinh, Sóc Trăng.

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có tới 67% diện tích có độ cao dưới 1m

so với mực nước biển lên, trong đó 27% diện tích có độ cao trên mực nước biển dưới 0,5m (Nguyễn Thành Vinh và Nguyễn Hữu Tới, 2010). Do đặc thù phần lớn diện tích Đồng bằng sông Cửu Long thấp trũng và có đường biên giáp biển lớn, nên nguy cơ ngập lụt do nước biển dâng là rất lớn. Theo kịch bản biến đổi khí hậu năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, nếu mực nước biển dâng cao 100cm, 39,40% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long có nguy cơ bị ngập. So sánh trong kịch bản nước biển dâng 100cm, thì Đồng bằng sông Cửu Long có nguy cơ ngập nặng nhất trong các vùng, những nơi tập trung cộng đồng dân tộc ít người nhiều cũng là những nơi có nguy cơ ngập lụt cao như Kiên Giang (76,9%), Sóc Trăng (50,7%) (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2016). Không dừng lại ở vấn đề ngập lụt, suy thoái môi trường còn gây ra những tác động kép. Khi vùng bị xâm nhập mặn, nước ngọt khan hiếm, các hộ dân khoan giếng ngày càng phổ biến, theo đó ô nhiễm và nhiễm mặn vào các tầng địa chất cũng như nguồn nước ngầm cũng trở nên nghiêm trọng. Nhiều vùng nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long, hầu như gia đình nào cũng có ít nhất một giếng khoan. Dựa vào nguồn nước tường chừng như vô tận này, không ít người có tâm lý sử dụng phung phí. Tỉnh Trà Vinh có hơn 30.000ha hoa màu, hạn hán, xâm nhập mặn đã làm 9.000ha bị thiệt hại. Các hộ dân tại nơi bị nhiễm mặn hầu như phụ thuộc vào giếng khoan. Những năm gần đây, nhu cầu

sử dụng nước ngầm càng gia tăng do tình trạng nuôi trồng thủy sản tăng mạnh và không theo quy hoạch, nhất là nuôi tôm tại các địa phương ven biển của Đồng bằng sông Cửu Long như: Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tiền Giang, Kiên Giang. Theo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau, tổng số giếng khoan trong tỉnh đã lên đến hơn 138.080, lưu lượng nước khai thác khoảng 400.000m³/ngày đêm. Theo thống kê bước đầu trên toàn tỉnh Sóc Trăng, hiện có hơn 80.000 giếng khoan, trong đó chỉ riêng thị xã Vĩnh Châu đã có hơn 22.000 giếng các loại... Hệ quả là lượng nước ngầm suy giảm. Thống kê tại thời điểm 2015, mực nước ngầm giảm bình quân từ 25-40cm mỗi năm. Quá trình khoan, đào đi qua các địa tầng dẫn đến một tỷ lệ lớn nước ngầm bị nhiễm mặn hoặc nhiễm hóa chất, thậm chí cả hai (dẫn theo Hồng Hiếu và Diễm Trang, 17/4/2016).

Các điều chỉnh và bổ sung của Viện Khoa học Thủy văn và môi trường cho các kịch bản trong *Nghiên cứu tác động biến đổi khí hậu và đề xuất các giải pháp thích ứng ở Đồng bằng Sông Cửu Long*, và sau đó được đưa vào *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam năm 2016* của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho thấy các tác động biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến Đồng bằng sông Cửu Long mang tính cụ thể hơn, và cần có những chính sách quy hoạch thật hiệu quả để thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu trong thời gian tới (ADB, 2011).

3. TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG ĐẾN ĐỜI SỐNG KINH TẾ CỦA NGƯỜI KHMER Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Trong lĩnh vực kinh tế của cư dân Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có người Khmer, nếu mực nước biển dâng thì thiệt hại đầu tiên đến sinh kế là sự tổn thất trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy - hải sản, vì phần lớn các hộ gia đình Khmer sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp.

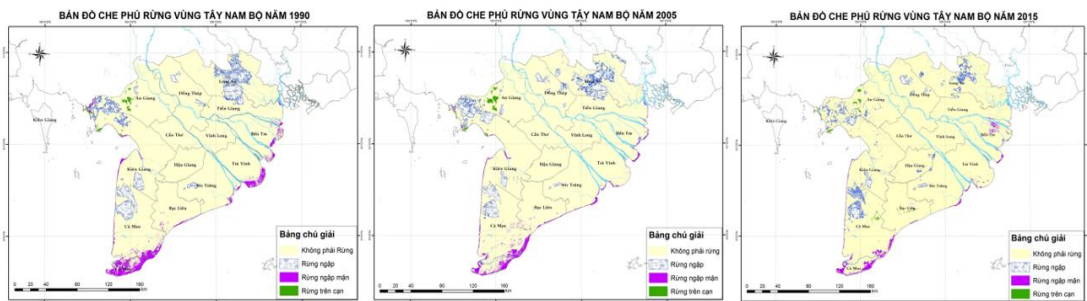
- Về hoạt động đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản:

Kết quả khảo sát năm 2009 của Nguyễn Ngọc Diễm và cộng sự (2011), người Khmer đã đối mặt với các khó khăn do tác động của biến đổi khí hậu, như: việc đánh bắt hải sản gặp nhiều khó khăn và tốn kém, thậm chí rủi ro cao do thay vì trước đây họ chỉ cần khai thác, đánh bắt ven bờ thì nay phải di chuyển ra xa khơi hoặc thậm chí một số loài phải nuôi trồng mới có chứ khó tìm trong tự nhiên... Theo báo cáo của Tổng Cục thống kê năm 2017, do ảnh

hưởng của áp thấp nhiệt đới cùng với giá xăng dầu tăng nên nhiều tàu ở vùng biển Đồng bằng sông Cửu Long phải neo bờ, đặc biệt là các tàu đánh bắt xa bờ. Sản lượng thủy sản khai thác biển ước tính giảm 1,4%, trong đó cá giảm 1,6%. Như vậy, có thể thấy yếu tố môi trường đóng góp vai trò quan trọng trong ngành thủy sản Đồng bằng sông Cửu Long. Việc tăng giảm sản lượng phụ thuộc lớn vào điều kiện thời tiết của vùng và đời sống của người Khmer.

Kết quả khảo sát tại Trà Vinh (Nguyễn Ngọc Diễm, Phạm Ngọc Đình và nhóm nghiên cứu, 2014) cho thấy, nhiều người dân thừa nhận trước đây việc nuôi lang (nuôi tôm theo hình thức tự nhiên) rất hiệu quả. Người dân có thể sử dụng nguồn giống tự nhiên và nuôi theo phương pháp tự nhiên. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, hình thức nuôi lang dần mất đi do không còn mang lại hiệu quả kinh tế. Nguyên nhân chính là nguồn tôm tự nhiên không còn nhiều, tôm thường xảy ra bệnh dịch, các nguồn thức ăn tự nhiên cũng hạn chế... nên

Hình 2. Thay đổi tỷ lệ che phủ rừng Đồng bằng sông Cửu Long qua các giai đoạn 1990, 2005 và 2015



Nguồn: Dẫn theo Trần Thị Hồng Nhung, 2015.

các hộ dân hầu như chuyển sang nuôi công nghiệp.

- Về kinh tế rừng:

Rừng cũng là một nguồn tài nguyên gắn với sinh kế người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Những rừng cây, chủ yếu là tràm, đước, mắm... phù hợp với đất phù sa và nước lợ tập trung nhiều ở Đồng Tháp, Long An, Cà Mau... Theo thống kê thời điểm năm 2000, rừng phủ 337.688ha đất, trong đó rừng tự nhiên là 81.945ha và rừng trồng là 256.169ha. Rừng ngập mặn đã từng bao phủ hầu hết vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long nhưng nay đang biến mất dần trên quy mô lớn, hiện nay còn khoảng 77.000ha tập trung ở tỉnh Bạc Liêu và Cà Mau, chủ yếu là rừng tràm. Khu vực bãi triều có diện tích khoảng 480.000ha, trong đó gần

300.000ha có khả năng nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ. Theo điều tra năm 1995 có 0,508 triệu ha đất lâm nghiệp, trong đó đất có rừng 211.800ha và đất không rừng 296.400ha. Tỷ lệ che phủ rừng chỉ còn 5% (dẫn theo Trần Thị Hồng Nhung, 2015).

Bảng 1 cho thấy tỷ lệ rừng Đồng bằng sông Cửu Long ở các tỉnh hiện nay rất thấp. Không chỉ thế, từ 1990 đến 2015, tỷ lệ rừng Đồng bằng sông Cửu Long đã giảm đi một lượng đáng kể, đặc biệt là rừng ngập nước và rừng ngập mặn. Mặc dù vậy, theo ghi nhận năm 2015 rừng trên cạn có dấu hiệu tăng ở hai địa phương là Cà Mau và Bạc Liêu.

Tình trạng này khiến cho sinh kế dựa vào tài nguyên rừng của người Khmer cũng bị ảnh hưởng.

Bảng 1. Tỷ lệ rừng được che phủ ở Đồng bằng sông Cửu Long năm 2015

Tỉnh	Diện tích tự nhiên	Diện tích có rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Tỷ lệ che phủ (%)
Long An	449.550	25.625	970	24.656	5,7
Đồng Tháp	337.867	52.160	-	52.160	15,1
Tiền Giang	250.935	3.855	-	3.855	1,2
Bến Tre	235.982	4.145	1042	3.103	1,6
Vĩnh Long	149.681	-	-	-	0,0
Trà Vinh	234.115	8.687	2.965	5.722	3,7
TP. Cần Thơ	140.895	-	-	-	0,0
Hậu Giang	160.245	2.591	-	2.591	1,3
Sóc Trăng	331.165	10.454	1.990	8.464	2,2
Bạc Liêu	246.872	4.597	1.867	2.730	1,8
An Giang	353.667	12.269	583	11.686	3,3
Kiên Giang	634.852	55.286	42.651	12.635	8,5
Cà Mau	529.488	92.360	11.911	80.449	10,8

Nguồn: Dẫn theo Trần Thị Hồng Nhung, 2015.

- Về trồng trọt và chăn nuôi:

Căn cứ trên diện tích đất nông nghiệp bị ngập, và quy đổi giá lúa theo thời điểm hiện nay cho thấy Đồng bằng sông Cửu Long đang đối mặt với nguy cơ thiệt hại nông nghiệp rất lớn. Theo tính toán của Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo thích ứng với biến đổi khí hậu, tổng thiệt hại về lúa tại 10 tỉnh thành (gồm TP HCM và 9 tỉnh thành Đồng bằng sông Cửu Long) rất lớn. Nếu tính trên sản lượng lúa, thiệt hại là 7.597.400 tấn. Trong đó, thiệt hại nhiều nhất là Long An, kế đến là Sóc Trăng, và thứ ba là Kiên Giang. Tuy nhiên, nếu xét tỷ lệ thiệt hại về giá trị lúa trên diện tích đất nông nghiệp bị ngập, thì đứng đầu là Cần Thơ, thứ hai là Sóc Trăng, và thứ ba

là Tiền Giang (Bảng 2).

Cây ăn trái là một trong những sản phẩm đặc trưng của Đồng bằng sông Cửu Long, nhưng trước xu thế của biến đổi khí hậu, hoạt động trồng cây ăn trái cũng như năng suất cây trồng của vùng bị ảnh hưởng. Qua khảo sát tại thành phố Cà Mau, huyện Cái Nước, và huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau năm 2005 do Trung tâm Nghiên cứu Đồng bằng sông Cửu Long, thuộc Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, thực hiện, cho thấy, nhiều khu trồng cây ăn trái bị thất thu do nắng nóng; dừa bị chết khô lá do đất nhiễm mặn; cam bị mất nước,... (Phạm Ngọc Đình và nhóm nghiên cứu, 2005). Trong xu thế tác động của biến đổi khí hậu trong thời gian tới, dự kiến hoạt động

Bảng 2. Diện tích đất lúa vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2005 - 2014 (1.000ha)

	2005		2010		2014	
	Diện tích	Cơ cấu (%)	Diện tích	Cơ cấu (%)	Diện tích	Cơ cấu (%)
Long An	254,3	13,32	258,6	13,42	263,5	13,77
Tiền Giang	95	4,98	86,8	4,50	83,1	4,34
Bến Tre	37,9	1,99	38,1	1,98	38,3	2,00
Đồng Tháp	226,8	11,88	225,2	11,69	226,4	11,84
Vĩnh Long	72,9	3,82	70,2	3,64	71,1	3,72
Trà Vinh	102,9	5,39	97,7	5,07	97,3	5,09
Cần Thơ	92,8	4,86	91,6	4,75	91,2	4,77
Hậu Giang	84,2	4,41	82,5	4,28	82,4	4,31
Sóc Trăng	160,9	8,43	146,6	7,61	147,7	7,72
An Giang	264,3	13,85	257,7	13,37	257,4	13,46
Kiên Giang	353,2	18,51	377,4	19,59	381,5	19,94
Bạc Liêu	82,5	4,32	77,6	4,03	77,6	4,06
Cà Mau	80,8	4,23	116,9	6,07	95,4	4,99
Toàn vùng	1.908,5	100,00	1.926,9	100,00	1.912,9	100,00

Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2005, 2010, 2014 - dẫn theo Nguyễn Hoàng Đan và cộng sự, 2015).

Bảng 3. Tổng hợp thiệt hại vùng Đồng bằng sông Cửu Long do tác động của biến đổi khí hậu đối với một số cây trồng chính

Chỉ tiêu	Dự báo đến 2030		Đến năm 2050	
	Sản lượng (ngàn tấn)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (ngàn tấn)	Tỷ lệ (%)
1. Cây lúa	-2.031,87	-8,37	-3.699,97	-15,24
Giảm sản lượng do thiên tai	-65,27	-0,18	- 65,27	-0,18
Giảm sản lượng do suy giảm tiềm năng năng suất	-1.966,60	-8,10	-3.634,7	-14,97
- Lúa đông-xuân	-1.222,80	-7,93	-2.159,3	-14,01
- Lúa hè-thu	-743,80	-8,40	-1.475,4	-16,66
2. Cây bắp	-500,40	-18,71	-880,4	- 32,91
3. Cây đậu nành	-14,38	-3,51	-37,01	-9,03

Ghi chú: Sản lượng năm 2008 được dùng để so sánh khi đánh giá % tác động của biến đổi khí hậu.

Nguồn: Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo thích ứng với biến đổi khí hậu.

sản xuất trái cây của vùng sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng.

Theo *Kế hoạch Đồng bằng sông Cửu Long* được xây dựng dựa trên cam kết của hai chính phủ Việt Nam và Hà Lan, mưa có xu hướng giảm trong mùa khô và tăng trong mùa mưa, nhiệt độ tăng và diễn biến mưa thay đổi, mực nước biển dâng dự kiến sẽ gây ra tác động rất lớn lên điều kiện tự nhiên; tỷ lệ diện tích ngập dao động trong khoảng 12,8 - 37,8%; sản xuất lúa gạo sẽ bị ảnh hưởng tại các khu vực bị ngập do triều và thời gian ngập lụt kéo dài hơn tại trung tâm của Đồng bằng sông Cửu Long. Những tác động bất lợi này có thể ảnh hưởng đến tất cả ba mùa vụ (Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hà Lan, 2013).

Theo Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo thích ứng với biến đổi khí hậu, dự báo sản lượng các loại cây trồng có

thể giảm rất lớn trong những thập niên tới do tác động từ biến đổi khí hậu (Bảng 3).

Tác động của biến đổi khí hậu còn gây ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi của vùng. Trong đó, theo đánh giá của Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo thích ứng với biến đổi khí hậu, những tác động cụ thể có thể kể đến như nguồn thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, sức khỏe vật nuôi, tỷ lệ sinh sản, khả năng tiết sữa, dịch bệnh...

- Vấn đề về ô nhiễm nguồn nước

Tình trạng công nghiệp hóa cùng với việc quản lý xả thải kém hiệu quả, cũng như việc khoan giếng ngày một phổ biến đã có những tác động đáng kể đến đời sống đồng bào dân tộc thiểu số. Các khảo sát năm 2009 và 2013 cho thấy các hộ gia đình Khmer chủ yếu thuộc nhóm thu nhập thấp, và nguồn nước sử dụng là nước giếng

hoặc trực tiếp từ nước sông, nên chất lượng nước sạch không được đảm bảo. Trong khi đó, các hộ gia đình Kinh và Hoa sử dụng nước máy. Nước canh tác hiện nay bị nhiễm mặn khá cao, cũng tác động không nhỏ đối với hoạt động nông nghiệp và thủy sản của các hộ dân tộc Khmer.

- Một số đánh giá về khả năng ứng phó với những tác động trên của người Khmer

Các chính sách kinh tế dành riêng cho các nhóm dân tộc thiểu số vẫn còn thiếu, nhất là các chính sách lồng ghép với tập quán và tri thức bản địa mà dân tộc đó có được. Người dân Khmer vẫn gặp nhiều hạn chế trong tiếp cận với các thông tin về biến đổi khí hậu, thông tin thị trường, thông tin áp dụng khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp... do những rào cản ngôn ngữ... Nhiều người Khmer nói tiếng Việt khá tốt nhưng để đọc được tiếng Việt thì gặp rất nhiều khó khăn, vì vậy việc tiếp cận các văn bản pháp luật hay các chính sách ưu đãi dành cho bản thân thường có nhiều hạn chế. Nhiều địa phương đã đưa tiếng Khmer vào các chương trình phát sóng địa phương ở cấp tỉnh lẫn loa phát thanh địa phương, nhưng thời lượng phát sóng còn ít. Ngoài ra, thời gian phát sóng cũng chưa đáp ứng được lịch sinh hoạt của người dân tộc thiểu số, do các gia đình thường đi ra ngoài làm thuê, trông giữ đầm tôm hoặc đánh bắt xa bờ... (xem thêm Nguyễn Ngọc Diễm, Phạm Ngọc Đình và nhóm nghiên cứu, 2014).

Do tập trung các lĩnh vực kinh tế nhỏ lẻ, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nên bất cứ có những biến động nào về môi trường, sinh kế của các nhóm dân tộc thiểu số đều dễ bị ảnh hưởng. Nhìn chung các nhóm dân tộc thiểu số vẫn chưa tiếp cận nhiều với khoa học kỹ thuật, chưa có các cách thức canh tác mang tính thích nghi mà vẫn dựa vào kinh nghiệm, thói quen truyền thống. Các giống lúa, nông sản chất lượng cao, kháng sâu rầy tốt, thích nghi tốt với điều kiện thời tiết, môi trường thay đổi chưa được các nhóm dân tộc tiếp cận và áp dụng. Rất nhiều hộ dân tộc Khmer hiện thiếu đất canh tác và năng suất đất nông nghiệp giảm do suy thoái môi trường. Điều này dẫn đến thực trạng nhiều hộ gia đình rời địa phương di cư vào đô thị, chủ yếu là TPHCM và Bình Dương làm công nhân và các công việc tự do khác.

Các nghiên cứu do Lê Thanh Sang (2015, 2018), Ngô Thị Phương Lan (2017) đã cho thấy có mối liên hệ giữa các rủi ro sinh kế với di cư của người Khmer, và nhận định di cư là một chiến lược sinh kế ngày càng được nhiều người Khmer lựa chọn.

Qua khảo sát năm 2009 - 2010⁽¹⁾ và 2013 - 2014⁽²⁾ thuộc đề tài cấp Bộ đều cho thấy nhóm dân tộc thiểu số, đặc biệt là Khmer được xếp vào nhóm đối tượng dễ tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường. Mặc dù vậy, các nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh kế người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn

rất ít. Các nghiên cứu về tác động của biến đổi khí hậu đến sinh kế của cư dân trong vùng thường chỉ nêu tác động chung; còn sự tác động của biến đổi khí hậu lên sinh kế người Khmer chỉ được nhắc tới trong một vài nghiên cứu tập trung cho vấn đề lớn hơn của vùng.

4. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NGHIÊN CỨU

Ứng phó biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long khá phức tạp và đòi hỏi nguồn kinh phí khá lớn. Tuy nhiên, hiện nay, các dự án triển khai trên quy mô lớn chủ yếu là của các tổ chức quốc tế, trong đó các phần đánh giá riêng với các nhóm dân tộc thiểu số còn rất hạn chế. Các hạn chế này có nhiều lý do, một trong những lý do chính là sự tác động từ suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu. Nhận thức về biến đổi khí hậu của cư dân thuộc các nhóm dân tộc thiểu số còn hạn chế, đa phần người dân không hiểu khái niệm “Biến đổi khí hậu”, hoặc hiểu không đầy đủ, dẫn đến việc cung cấp thông tin không nhất quán. Việc nhìn nhận tác động môi trường đến sinh kế mang tính cảm quan cũng gây nhiều khó khăn trong thống kê. Vì vậy, cần có các chỉ báo cụ thể để lượng hóa các tác động trong quá trình đánh giá.

Dân tộc Khmer là nhóm dân tộc thiểu số đông nhất Đồng bằng sông Cửu Long, nghiên cứu về các khó khăn của nhóm này trước tác động của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường có thể mở hướng nghiên cứu về vấn đề này ở các nhóm dân tộc thiểu số còn lại của vùng. Các đề xuất

nghiên cứu sâu về tác động của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường đến sinh kế người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long cần ưu tiên tập trung gồm:

(1) Tri thức bản địa người Khmer về môi trường, khí hậu. Trong các nghiên cứu về người Khmer, phong tục, tập quán, cổ kết cộng đồng, sinh kế, tín ngưỡng,... được phân tích khá nhiều. Tuy nhiên, các nghiên cứu chất lượng và tập hợp tri thức bản địa về môi trường, về thái độ đối với tự nhiên, với các điều kiện thời tiết để đưa vào trong đời sống kinh tế - xã hội chưa được rõ nét. Trong khi đó, việc tham gia bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, cũng như vận dụng các điều kiện khác nhau của môi trường, khí hậu vào sản xuất rất cần thiết.

(2) Đánh giá thực trạng môi trường các khu vực người Khmer tập trung sinh sống; xác định các hành vi, thói quen sản xuất, sinh hoạt làm ảnh hưởng đến môi trường của người Khmer để tìm các giải pháp, hướng thay thế phù hợp.

(3) Các phương thức sinh kế thay thế trong trường hợp biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường tác động nghiêm trọng. Hiện nay, di cư được xem là một giải pháp sinh kế thay thế nông nghiệp ở cộng đồng người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đây có thể xem là sự chuyển đổi lớn, không chỉ về kinh tế mà cả văn hóa. Đánh giá được các lợi ích, lẫn các vấn đề phát sinh sẽ giúp tìm kiếm các giải pháp bền vững hơn cho người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long. □

CHÚ THÍCH

(*) Nghiên cứu trích từ Đề tài cấp nhà nước “Tác động của suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu đến đời sống của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay”. Mã số: CTDT.45.18/16-20. Thuộc Chương trình Dân tộc Thiểu số giai đoạn 2016-2020.

(¹) Khảo sát thuộc Đề tài cấp Bộ *Một số vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững vùng Nam Bộ*. Mã CT2009.22.04 thuộc Chương trình CT2009.22. Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ do Nguyễn Ngọc Diễm làm chủ nhiệm.

(²) Khảo sát thuộc đề tài *Nghiên cứu mô hình truyền thông dựa vào các nhóm công chúng thích ứng biến đổi khí hậu ở ven biển Đồng bằng sông Cửu Long (Nghiên cứu trường hợp xã Hiệp Thạnh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau)*. Đề tài cấp bộ 2013-2014 do Nguyễn Ngọc Diễm và Phạm Ngọc Đình làm chủ nhiệm, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ chủ trì.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. ADB. 2011. *Nghiên cứu tác động biến đổi khí hậu và đề xuất các giải pháp thích ứng ở Đồng bằng Sông Cửu Long – Phần A: Báo cáo Tổng kết*. Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau, Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang và Viện Khoa học Thủy văn và Môi trường.
2. Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ. 2014. *Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, văn học nghệ thuật trong đồng bào dân tộc Khmer vùng Tây Nam Bộ*. Tài liệu trao đổi với Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương. Cần Thơ.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 2012. *Báo cáo Quy hoạch nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trong điều kiện biến đổi khí hậu*. Hà Nội.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường. 2005, 2010, 2014. *Báo cáo kiểm kê đất đai toàn quốc*. Hà Nội.
5. Bộ Tài nguyên và Môi trường. 2016. *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam năm 2016*. Hà Nội.
6. Cục Thống kê. 2017. “Tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2017”. <https://gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=18271>, truy cập ngày 13/5/2019.
7. Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hà Lan. 2013. *Kế hoạch Đồng bằng sông Cửu Long: Tầm nhìn và chiến lược dài hạn nhằm phát triển Đồng bằng sông Cửu Long an toàn, trù phú và bền vững*. Liên danh Royal Haskoning DHV - Đại học Wageningen, Deltares, Rebel, Amersfoort, Hà Lan. Mã dự án: BA8041.
8. Diễn đàn Bảo tồn Đồng bằng sông Cửu Long. 23/6/2010. *Các khuyến nghị của Diễn đàn Bảo tồn Đồng bằng sông Cửu Long lần thứ II*. Kiên Giang.
9. Hồng Hiếu và Diễm Trang. 17/4/2016. “Đồng bằng sông Cửu Long: Tài nguyên nước ngầm chưa được quản lý, khai thác hiệu quả”. <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/cac-van-de/tai-nguyen-nuoc-ngam-chua-duoc-quan-ly-khai-thac-hieu-qua-472064>, truy cập ngày 08/5/2019.
10. IUCN. 2011. “Groundwater in the Mekong Delta”. Discussion Paper. http://cmsdata.iucn.org/downloads/iucn___groundwater_in_mekong_delta_25_may_11_w.pdf, truy cập ngày 26/9/2011.

11. Lê Anh Tuấn và cộng sự. 2014. *Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh kế người dân Đồng bằng sông Cửu Long*. Diễn đàn Bảo tồn thiên nhiên và văn hóa vì sự phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long lần thứ 6. Cần Thơ.
12. Lê Thanh Sang và Võ Thị Kim Phượng. 2018. “Đặc điểm sinh kế của người Khmer từ kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015”. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, số 21, tháng 3/2018, tr. 8-14.
13. Ngô Thị Phương Lan (chủ biên). 2017. “Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long”, in trong *Sinh kế tộc người trong bối cảnh Việt Nam đương đại*. TP HCM: Nxb. Đại học Quốc gia TP HCM.
14. Nguyễn Ngọc Diễm và cộng sự. 2011. “Một số vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững vùng Nam Bộ”. Đề tài cấp Bộ CT2009.22.04 thuộc *Chương trình CT2009.22*. Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ.
15. Nguyễn Ngọc Diễm, Phạm Ngọc Đình và nhóm nghiên cứu. 2014. “Kết quả khảo sát giai đoạn 1/2013 và giai đoạn 2/2014”, trong *Nghiên cứu mô hình truyền thông dựa vào các nhóm công chúng thích ứng biến đổi khí hậu ở ven biển Đồng bằng sông Cửu Long (Nghiên cứu trường hợp xã Hiệp Thạnh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau)*. Đề tài cấp bộ 2013-2014 do Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ chủ trì.
16. Nguyễn Ngọc Minh. 2018. *Sinh kế của người Khmer tại xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng*. Luận văn thạc sĩ. Học viện Khoa học Xã hội.
17. Nguyễn Thành Vinh và Nguyễn Hữu Tới. 2010. “Tác động của biến đổi khí hậu đến quy hoạch các vùng dân cư và các công trình ở vùng biển Việt Nam”. *Tạp chí Người Xây dựng*, số 12/2010.
18. Nguyễn Xuân Hiền. 2008. “Nguồn tài nguyên của Đồng bằng sông Cửu Long”. *Tạp san Khoa học và Công nghệ quy hoạch thủy lợi – Viện Quy hoạch Thủy lợi miền Nam*, tr. 24-32.
19. Phạm Ngọc Đình và nhóm nghiên cứu. 2005. *Sự chuyển dịch sản xuất nông nghiệp sang sản xuất thủy sản và vấn đề xã hội đặt ra: đề xuất giải pháp phát triển bền vững*. Đề tài cấp tỉnh - tỉnh Cà Mau.
20. Tổng cục Thống kê. 1999. “Dân số dân tộc Khơ-me tại thời điểm 1/4/1999 phân theo giới tính”. *Tổng Điều tra dân số và nhà ở năm 1999*. Hà Nội.
21. Tổng cục Thống kê. 2019. *Kết quả chủ yếu điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 01/4/2018*. Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Hà Nội.
22. Trần Thị Hồng Nhung. 2015. *Nguồn Tài nguyên đất và sự phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển.
23. Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo thích ứng với biến đổi khí hậu. “Tác động của biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực thuộc ngành nông nghiệp”. <http://biendoikhihau.cantho.gov.vn/download/?type=document&id=116>, truy cập ngày 30/11/2014.